

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2017/KDTM-PT
Ngày 29 tháng 9 năm 2017
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Túy Giang

Các Thẩm phán: Bà Châu Minh Nguyệt

Ông Trương Thanh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Tăng Giàu, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 04/TLPT-KDTM ngày 31 tháng 3 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2017/KDTM-ST ngày 22/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2017/QĐ-PT ngày 10 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng T.

Trụ sở: Đường Đ, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thuận B, chức vụ: Phó phòng tổng hợp Ngân hàng T, chi nhánh tỉnh Cà Mau (Theo Văn bản ủy quyền số: 1436/UQ-HĐQT-NHCTT18 ngày 22/10/2014). (Có mặt).

- Bị đơn: Công ty P.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Công T. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc (Xin vắng mặt theo văn bản ngày 27/9/2017).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Thanh T là Luật sư của Văn phòng luật sư Lê Thanh T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (Xin vắng mặt theo văn bản ngày 27/9/2017).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty H.

Địa chỉ: Đường N, khóm X, phường K, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Kim H. Chức vụ Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Lê Thị Phương T, sinh năm 1992

Địa chỉ: Đường N, khóm X, phường K, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Theo Văn bản ủy quyền ngày 22/9/2017). (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Hữu V là Luật sư của Văn phòng luật sư A thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

- *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ngân hàng T, người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Thuận B trình bày: Ngày 26/5/2014, Ngân hàng T có cho Công ty P người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Công T vay vốn theo các hợp đồng tín dụng như sau:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 14.025.098/2014/HĐTDHM/NHCT860-CÔNG TY P ngày 26/5/2014 và các phụ lục/văn bản sửa đổi bổ sung. Số tiền vay 7.400.000.000 đồng. Lãi suất trong hạn 8,5%/năm, lãi suất quá hạn 12,75%/năm (hiện nay là 09%/năm; lãi suất quá hạn 13,5%/năm). Thời hạn duy trì hợp đồng đến ngày 15/11/2015. Thời hạn vay tối đa mỗi giấy nhận nợ là 03 tháng, giấy nhận nợ cuối có thể bằng thời hạn cuối duy trì hợp đồng cộng tối đa 03 tháng. Các khoản vay đến ngày 29/12/2015 đã quá hạn thanh toán. Tổng số tiền của khoản vay này Công ty P còn nợ Ngân hàng T đến ngày 21/02/2017 là: Nợ gốc 7.398.536.111 đồng; nợ lãi trong hạn và quá hạn là 1.147.667.597 đồng, tổng số tiền gốc và lãi là 8.546.203.708 đồng.

- Hợp đồng tín dụng dự án đầu tư số: 14.025.099/2014-HĐTDDA/NHCT860-CT P ngày 26/5/2014 và các phụ lục/văn bản sửa đổi bổ sung. Số tiền vay 15.000.000.000 đồng. Lãi suất trong hạn 11%/năm, lãi suất quá hạn 16,5%/năm thời hạn vay là 48 tháng. Thời hạn duy trì hợp đồng đến ngày 27/5/2021. Khoản vay trung dài hạn trả nợ gốc và lãi vào ngày 20 hàng tháng. Các khoản vay đến ngày 20/01/2016 đã quá hạn thanh toán. Tổng số tiền của khoản vay này Công ty P còn nợ Ngân hàng T đến ngày 21/02/2017 là: Nợ gốc 14.724.520.548 đồng; nợ lãi trong hạn và quá hạn là 2.023.880.778 đồng, tổng số tiền gốc và lãi là 16.748.401.326 đồng.

Các khoản vay theo hai hợp đồng tín dụng nêu trên được bảo đảm bằng các tài sản:

- Theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số: 14.025.099/HĐBĐ ngày 16/5/2014 và các văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số: 01/14.025.099/HĐBĐ, ngày 13/10/2015. Tài sản thế chấp bao gồm các tài sản gắn liền với đất tại thửa số X; tờ bản đồ số Y theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 12/3/2009; tại thửa số X1; tờ bản đồ số Y theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 09/5/2012; tại thửa số X2; tờ bản đồ số Y theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 20/4/2015 tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện H, tỉnh Bạc Liêu cho dù đang được Công ty P sở hữu hay sẽ sở hữu trong tương lai và cho dù tài sản đó đang tồn tại hay hoặc sẽ hình thành trong tương lai.

Tại thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp, tài sản gắn liền với đất là: Văn phòng làm việc, nhà máy, nhà xưởng, nhà kho, nhà ăn, nhà nghỉ giữa ca của công nhân, nhà lưu trú cho công nhân, nhà bảo vệ, hệ thống sân, đường nội bộ, hệ thống cấp thoát nước sinh hoạt, hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thông tin liên lạc, 05 cối phản ứng 5.000 lít, 07 cối phản ứng 3.000 lít, 16 máy lọc với các đĩa lọc, thùng lọc, 06 bom chống ăn mòn, 7,5HP-3pha; 02 bồn chứa (De col 1m x 1m) RD, 01 bồn chứa có máy lọc (3m x 2m), 08 bồn chân không 2000 lít, 05 bồn chân không 1000 lít, 02 bồn kết tinh 1MX 1m (RD), 04 máy ly tâm 200 kgs, 01 máy làm khô 1.500 lít, 01 màn hình rung động, 04 bình ngưng 03m²; 03 bình ngưng 05m², 11 bom ly tâm -S80 x 65 -32 có motor, 11 đầu bắn tia nước sử dụng cho hệ thống chân không, 07 bồn PPR 1000 lít, 10 ống dẫn hội tụ bằng thủy tinh, 15 ống thước đo nhiệt 1,5m, 01 máy phát điện, 02 bồn chứa inox, 01 trạm biến áp, thiết bị xử lý nước, thiết bị xử lý nước thải, 02 băng chuyền, hệ thống ống dẫn, 01 hệ thống hút chân không và các công trình khác gắn liền với đất, các quyền lợi ích, khoản thanh toán mà Công ty P có thể nhận được sau thời điểm hợp đồng thế chấp có hiệu lực liên quan đến quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (bao gồm nhưng không giới hạn: Các khoản thanh toán do đất bị thu hồi, tiền bảo hiểm gắn liền với đất...).

- Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: 14.025.098/HĐBĐ ngày 23/5/2014 do công ty H, người đại diện theo pháp luật bà Nguyễn Kim H thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất số E, cấp ngày 16/8/2006, số thửa: K, tờ bản đồ số Z, diện tích 297m² do Công ty H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại đường N, khóm X, phường K, thành phố C, tỉnh Cà Mau và tài sản gắn liền với đất là khách sạn 07 tầng, 01 tầng chệt xây dựng kiên cố, ở mỗi tầng có nhiều phòng, khung sườn bê tông cốt thép, nền lát gạch, vách tường gạch, khách sạn được xây dựng năm 2006 và hiện đang hoạt động kinh doanh.

Trong quá trình vay vốn Công ty P đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết, không thực hiện việc thanh toán nợ đến hạn. Ngân hàng T đã làm việc nhiều lần và tạo điều kiện để Công ty P có kế hoạch trả nợ như cam kết, nhưng Công ty T không thực hiện được, cũng không có thiện chí hợp tác với Ngân hàng T để giải

quyết nợ quá hạn. Nay Ngân hàng T yêu cầu Công ty P có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng T số tiền tạm tính đến ngày 21/02/2017 là 25.294.605.034 đồng (trong đó tiền vốn là 22.123.056.659 đồng và lãi phát sinh là 3.171.548.375 đồng). Đồng thời còn trả lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết cho đến khi trả dứt nợ, trong trường hợp Công ty P không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ khoản nợ cho Ngân hàng T thì Ngân hàng T yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Bị đơn Công ty P, người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Công T trình bày: Ông T thống nhất với lời trình bày của Ngân hàng T về hợp đồng vay và số tiền vay cũng như hợp đồng thế chấp tài sản. Ông đại diện cho Công ty P đồng ý trả số nợ trên và lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ theo yêu cầu của Ngân hàng T và đồng ý để Ngân hàng T tiến hành thủ tục xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp tài sản đã ký kết trong trường hợp Công ty P không thanh toán, hoặc thanh toán không đầy đủ cho Ngân hàng T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty H, người đại diện theo pháp luật bà Nguyễn Kim H là giám đốc trình bày: Công ty H có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất vào ngày 23/5/2014. Công ty H bảo đảm cho khoản vay 7.400.000.000 đồng chứ không phải bảo đảm cho tất cả các khoản vay của Công ty P. Thừa nhận chữ ký trong hợp đồng thế chấp là của bà H và cũng thừa nhận phía Công ty H có nhận các văn bản tố tụng do Tòa án nhân dân huyện H giao. Nay Ngân hàng T khởi kiện đối với Công ty P, Công ty H đồng ý trường hợp Công ty P không thanh toán khoản nợ gốc 7.400.000.000 đồng và lãi phát sinh từ hợp đồng tín dụng này thì Công ty H đồng ý phát mãi tài sản thế chấp để trả nợ cho Ngân hàng T.

Từ nội dung trên tại bản án số: 01/2017/KDTM-ST ngày 22/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T đối với Công ty P.
2. Buộc Công ty P có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng T tổng cộng nợ gốc và lãi tính đến ngày 21/02/2017 là 25.294.605.034 đồng. Công ty P có trách nhiệm tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ.
3. Nếu Công ty P không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ cho Ngân hàng T thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp của Công ty P theo hợp đồng thế chấp số: 14.025.099/HĐBĐ ngày 16/5/2014. Trường hợp Công ty P không thanh toán khoản nợ vay 7.400.000.000 đồng và lãi phát sinh thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp của Công ty H theo hợp đồng thế chấp 14.025.098/HĐBĐ ngày 23/5/2014 để thu hồi khoản nợ gốc 7.400.000.000 đồng và lãi phát sinh.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, án phí, điều luật thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 07/3/2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty H kháng cáo bản án số: 01/2017/KDTM-ST ngày 22/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Nội dung kháng cáo bà Nguyễn Kim H là người đại diện theo pháp luật của Công ty H yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại phiên Tòa phúc thẩm đại diện phía Công ty H là chị Lê Thị Phương T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Trường hợp Tòa án sửa bản án sơ thẩm thì Công ty H chỉ đồng ý trả 50% số tiền theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: 14.025.098/HĐBĐ ngày 23/5/2014 tương đương 3.600.000.000 đồng và lãi phát sinh của 3.600.000.000 đồng.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty H trình bày: Ngân hàng T ký nhiều hợp đồng với Công ty P vượt quá khoản bảo đảm, bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, gửi thông báo thụ lý trễ hơn hai tháng, cấp tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án (Thông báo thụ lý) cho Công ty H không đúng đối tượng, đưa ông Phạm Ngọc A đại diện cho Công ty H là không đúng, vì Công ty H không ủy quyền cho ông A. Tại hợp đồng thế chấp số: 14.025.098/HĐBĐ ngày 23/5/2014 chỉ thể hiện tài sản thế chấp là 7.200.000.000 đồng, nhưng lại buộc chị T thừa nhận trả 7.400.000.000 đồng; cấp sơ thẩm áp dụng pháp luật không đúng; Ngân hàng T và Công ty H không hề ký phụ lục hay văn bản nào khác ngoài hợp đồng số: 14.025.098/HĐBĐ ngày 23/5/2014, nhưng Ngân hàng T lại ký hợp đồng tín dụng cho Công ty P vay 7.400.000.000 đồng; tại cấp sơ thẩm Ngân hàng T ký hợp đồng với Công ty P hai khoản tín dụng là 7.400.000.000 đồng và 12.000.000.000 đồng nên không biết bảo đảm cho khoản nào. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa một phần bản án kinh doanh thương mại số: 01/2017/KDTM-ST ngày 22/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu theo hướng chỉ buộc Công ty H chịu trách nhiệm bảo lãnh đối với khoản tiền nợ vốn 7.200.000.000 đồng trong trường hợp Công ty P không thanh toán được cho Ngân hàng T chứ không phải 7.400.000.000 đồng như án sơ thẩm đã tuyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe ý kiến đề xuất của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Xét thấy, trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm Ngân hàng T và Công ty P thống nhất xác định giữa hai bên có ký kết các hợp đồng vay và số tiền vay cũng như hợp đồng thế chấp tài sản, Công ty P cũng đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T tổng cộng nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 21/02/2017 là 25.294.605.034 đồng. Do các bên đương sự đã tự thống nhất các vấn đề nêu trên nên đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử giữ nguyên phần nhận định của án sơ thẩm buộc Công ty P có trách nhiệm trả cho Ngân hàng T khoản tiền vay tính đến ngày 21/02/2017 với nợ gốc là 22.123.056.659 đồng và lãi là 3.171.548.375 đồng.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty H yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Bà H cho rằng, trong quá trình tố tụng Công ty H không được tham dự các phiên hòa giải, làm bản tự khai, giải trình ghi ý kiến của mình đối với việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy, tại các giấy báo phát ở các bút lục số (145; 188 và 196) nội dung thể hiện triệu tập bà H đến Tòa án huyện H để làm việc liên quan đến vụ án cũng như tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải do ông Phạm Ngọc A ký nhận. Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/5/2017 chị Lê Thị Phương T là người đại diện theo ủy quyền của Công ty H xác định ông Phạm Ngọc A là nhân viên của Công ty H và có lần ông A nhận Quyết định số 01 của Tòa án nhân dân huyện H và giao lại chị T (người trực tiếp quản lý Công ty H) và thực tế bà H biết việc Tòa án H triệu tập nên bà H đã có văn bản ủy quyền ngày 09/02/2017 thể hiện bà H ủy quyền chị T được toàn quyền quyết định các vấn đề có liên quan đến vụ án, nên có căn cứ xác định Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt các văn bản tố tụng cũng như giấy triệu tập cho Công ty H là hợp lệ theo quy định tại Điều 173 và Điều 174 của Bộ luật Tố tụng dân sự và chị T là người đại diện hợp pháp của bà H. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H cho rằng cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[4] Đối với hợp đồng thế chấp số: 14.025.098/HĐBĐ, ngày 23/5/2014 giữa Ngân hàng T và Công ty H thế chấp quyền sử dụng đất số A cấp ngày 16/8/2006, số thửa K, tờ bản đồ số Z, diện tích 297m² do Công ty H đứng tên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là khách sạn H để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng T của Công ty P. Xét thấy, việc thế chấp tài sản trên có đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của Nghị định số 83/2010/NĐ-CP, ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm và Thông tư liên tịch số 20/2011/TTLT-BTP-BTNMT, ngày 18/11/2011 về việc hướng dẫn đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Mặt khác, các bên cũng thống nhất xác định việc hai

bên ký kết hợp đồng thế chấp nêu trên là tự nguyện và tuân thủ đúng quy định pháp luật do đó căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng T và Công ty H là có xảy ra trên thực tế và đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T đồng ý Công ty H trả 7.400.000.000 đồng và lãi phát sinh khi Công ty P không trả nợ. Xét ý kiến này của chị T là vượt quá phạm vi của nghĩa vụ được bảo đảm của hợp đồng thế chấp số 14.025.098/HĐBĐ ngày 23/5/2014 mà Công ty H đã ký. Nay bà H không đồng ý, nên có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bà H, buộc Công ty H có trách nhiệm trả Ngân hàng T 7.200.000.000 đồng vốn và lãi phát sinh trên khoản nợ 7.200.000.000 đồng vốn.

[5] Công ty H chỉ đồng ý phát mãi tài sản mà Công ty H đã thế chấp để thu hồi 50% của nợ gốc 7.200.000.000 đồng, tức là 3.600.000.000 đồng và lãi phát sinh mà không cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu này. Xét thấy, tại hợp đồng thế chấp số: 14.025.098/HĐBĐ, ngày 23/5/2014 giữa Ngân hàng T và Công ty H đã ký kết thì tại điểm a và điểm b khoản 2.03 Điều 2 của hợp đồng thể hiện *“các bên thống nhất rằng giá trị các khoản tín dụng mà bên A cấp cho bên được bảo đảm được xác định theo giá trị của tài sản thế chấp tại thời điểm ký hợp đồng này là 7.200.000.000 đồng (Bảy tỷ hai trăm triệu đồng)”* *“trường hợp giá trị tài sản thế chấp được điều chỉnh tăng hoặc giảm thì bên A có quyền nhưng không có nghĩa vụ điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng giá trị gốc tối đa các khoản tín dụng mà bên A cấp cho bên được bảo đảm quy định tại điểm 2.03 (a) hợp đồng này*. Như vậy, tại hợp đồng thế chấp trên thể hiện Công ty H đã thế chấp tài sản để bảo đảm khoản vay 7.200.000.000 đồng và lãi phát sinh cho Công ty P, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của Công ty H.

[6] Cấp sơ thẩm tuyên trường hợp Công ty P không thanh toán khoản nợ vay 7.400.000.000 đồng và lãi phát sinh thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp của Công ty H theo hợp đồng thế chấp 14.025.098/HĐBĐ ngày 23/5/2014 để thu hồi khoản nợ gốc 7.400.000.000 đồng và lãi phát sinh là không đúng. Bởi lẽ, Công ty H thế chấp tài sản bảo đảm cho Công ty P thì trường hợp Công ty P không thanh toán nợ cho Ngân hàng T, Ngân hàng T có quyền yêu cầu Công ty H thanh toán nợ trong phạm vi bảo đảm cho số vốn 7.200.000.000 đồng và lãi phát sinh. Trường hợp Công ty H không thanh toán thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền bán đấu giá tài sản mà Công ty H đã thế chấp để thu hồi nợ vốn 7.200.000.000 đồng và lãi phát sinh. Vì vậy, sửa một phần cách tuyên án của cấp sơ thẩm.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[8] Đối với trình bày của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty H: Căn cứ vào Văn bản ủy quyền ngày 09/02/2017, sự thừa nhận của chị T tại phiên tòa sơ thẩm, tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 04/5/2017 thì chị T đã được toàn quyền thay mặt bà Nguyễn Kim H quyết định mọi vấn đề liên quan đến vụ án tại phiên tòa sơ thẩm và chị T thừa nhận ông Phạm Ngọc A là nhân viên

làm việc tại Khách sạn H, ông A có nhận văn bản do Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt và có giao lại cho chị T nên không có căn cứ chấp nhận ý kiến của Luật sư về việc đề nghị hủy án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; xét thấy thông báo thụ lý cấp sơ thẩm tổng đạt trễ nhưng không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự nên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm mà không cần thiết hủy án sơ thẩm; về nội dung, do Hợp đồng thế chấp Công ty H ký với Ngân hàng T là hợp pháp nên không chấp nhận đề nghị của Luật sư về việc Công ty H chỉ có trách nhiệm trả trong phạm vi 3.600.000.000 đồng và lãi phát sinh.

[9] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm Công ty H không phải chịu.

[10] Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 318, 342 và Điều 361 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 98 Luật Tổ chức tín dụng; Điều 3 Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm; Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Công ty H, sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2017/KDTM-ST, ngày 22/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T đối với Công ty P.
2. Buộc Công ty P có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng T số tiền tạm tính đến ngày 21/02/2017 với vốn vốn là 22.123.056.659 đồng và lãi phát sinh là 3.171.548.375 đồng (do Ngân hàng T – chi nhánh tỉnh Cà Mau nhận theo hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết).
3. Trường hợp Công ty P không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ cho Ngân hàng T thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp của Công ty P theo hợp đồng thế chấp số: 14.025.099/HĐBĐ ngày 16/5/2014 và các phụ lục hợp đồng thế chấp. Ngân hàng T có quyền yêu cầu Công ty H thanh toán nợ vốn 7.200.000.000 đồng và lãi phát sinh. Công ty H không thanh toán nợ thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền bán đấu giá tài sản thế chấp của Công ty H theo hợp đồng thế chấp 14.025.098/HĐBĐ ngày 23/5/2014 để thu hồi khoản nợ gốc 7.200.000.000 đồng và lãi phát sinh.
4. Về chi phí tố tụng và án phí:

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp Công ty P phải chịu là 700.000 đồng, Ngân hàng T đã nộp xong. Công ty P có nghĩa vụ hoàn lại cho Ngân hàng T (Ngân hàng T – chi nhánh tỉnh Cà Mau đại diện nhận) số tiền 700.000 đồng.

- Chi phí giám định Công ty P phải chịu 4.820.000 đồng, Công ty P đã nộp xong.

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm Công ty P phải nộp 133.294.605 đồng. Ngân hàng T đã nộp tạm ứng án phí 66.057.000 đồng theo biên lai thu số 0003175 ngày 07/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại đủ.

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, Công ty H không phải chịu. Công ty H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 2.000.000 đồng tại biên lai thu số 0003393, ngày 09/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại đủ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- TAND huyện H (01 bản);
- CCTHADS huyện H (01 bản);
- Các đương sự (04 bản);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (01 bản).

(đã ký)

Cao Thị Túy Giang